

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2025
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Thủy

Ông Nguyễn Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1993 (xin vắng).

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Ông Thái Thanh B, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:**

- Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu nên bà Lê Thị H và ông Thái Thanh B thành hôn với nhau vào năm 2020. Hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông B không chăm lo làm ăn mà thường đi nhậu nên vợ chồng hay cãi nhau. Khi say rượu ông B đánh đập bà H được gia đình chồng can ngăn. Bà H có khuyên nhưng ông B không sửa đổi. Hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà và ông B không sống chung với nhau từ tháng 8 năm

2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông B không hàn gắn hôn nhân và không thăm nom con chung.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông B.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Thái Lê Phúc K, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2020 (nam). Con chung đang sống chung với bà H nên khi ly hôn bà H yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn ông Thái Thanh B:**

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông B không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn với ông Thái Thanh B, yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp xin ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông B cư trú tại ấp H, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Lê Thị H có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H là phù hợp.

Đối với ông Thái Thanh B đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần 02 tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông B.

[2]. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Thái Thanh B kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 26 tháng 5 năm 2020 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 nên hôn nhân giữa bà H và ông B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Bà H yêu cầu ly hôn vì

cuộc sống vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, ông B không chăm lo làm ăn và có hành vi bạo lực gia đình đối với bà H.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà H và ông B đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải để hàn gắn hôn nhân nhưng ông B vẫn không tham gia, chứng tỏ ông B không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Thái Thanh B theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Thái Lê Phúc K, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2020 (nam). Khi ly hôn bà H yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng bà H không chung sống với nhau thì cháu K có cuộc sống ổn định bên bà H, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu K cho bà H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Lê Thị H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị H. Cho bà Lê Thị H được ly hôn ông Thái Thanh B.

- Về con chung: Giao con chung tên Thái Lê Phúc K, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2020 (nam) cho bà Lê Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí:

Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014355 ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Ninh Thượng;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hồng Ngân